TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/DS-PT
Ngày 12 - 10 - 2018
V/v tranh chấp chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Cao Thị Túy Giang

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp chia tài sản chung.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Hàng Thị L, sinh năm 1950
2. Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1912

Địa chỉ: Số 1, Đường 30/4, Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Hàng Kim T1, sinh năm 1946
4. Bà Hàng Thị T2, sinh năm 1948
5. Bà Hàng Thị N, sinh năm 1935
6. Ông Hàng Phú G, sinh năm 1938
7. Bà Hàng Kim P, sinh năm 1946

8. Ông Hàng Công T3, sinh năm 1959

9. Bà Hàng Kim D, sinh năm 1968

10. Ông Hàng Quốc T4, sinh năm 1971

11. Ông Lưu Hoàng A, sinh năm 1964

12. Bà Lưu Mỹ X, sinh năm 1966

13. Bà Lưu Mỹ N1, sinh năm 1968

14. Ông Lưu Hoàng G1, sinh năm 1970

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Anh Trần Thanh T5, sinh năm 1976; địa chỉ: số 2, Quốc Lộ 1A, Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Hàng Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 1, Đường 30/4, Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lâm Quốc T6, Luật sư của Công ty Luật hợp danh Tạ Nguyệt Y thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trịnh Minh Q, sinh năm 1956;
2. Ông Võ Đình V, sinh năm 1978;
3. Anh Võ Duy L1, sinh năm 1981;
4. Anh Nguyễn Hoàng N2 (Trần Thanh N2), sinh năm 1984;
5. Chị Nguyễn Hàng Ái Đ, sinh năm 1984;
6. Anh Nguyễn Hàng Đăng K, inh năm 1986;
7. Anh Nguyễn Hàng Quốc L2, sinh năm 1988;
8. Anh Nguyễn Hàng Quốc M, sinh năm 1990;
9. Chị Trịnh Hàng P1, sinh năm 1989;
10. Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1962 (có mặt)
11. Anh Trịnh Nhân A, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Hàng P1, ông Trịnh Minh Q, anh Trịnh Nhân A, anh Võ Đình V, anh Trần Thanh N2 và anh Võ Duy L1: Anh Trần Thanh T5, sinh năm 1976 (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Hàng Ái Đ, anh Nguyễn Hàng Đăng K, anh Nguyễn Hàng Quốc M và anh Nguyễn Hàng Quốc L2: Bà Hàng Thị H, sinh năm 1960 (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Hàng Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Chí C, anh Nguyễn Hàng Đăng K, anh Nguyễn Hàng Quốc L2, chị Nguyễn Hàng Ái Đ và anh Nguyễn Hàng Quốc M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn anh Trần Thanh T5 trình bày: Cụ Hàng Văn B và cụ Nguyễn Thị T có 10 người con chung gồm: Ông Hàng Văn Â (chết năm 2015); bà Hàng Mỹ T7; bà Hàng Thị N; ông Hàng Phú G; bà Hàng Kim P; bà Hàng Kim T1; bà Hàng Thị T2; bà Hàng Thị L; ông Hàng Công T3 và bà Hàng Thị H. Ngoài ra, cụ B và cụ T không có con nuôi hoặc con riêng nào khác. Cụ Hàng Văn B mất ngày 15/5/1992 (âm lịch), không để lại di chúc. Khi cụ B mất có để lại tài sản là 01 căn nhà bằng gỗ ngang 4,4m x dài khoảng hơn 20m (là tài sản chung của cụ B và cụ T) được cất trên phần đất có diện tích 91,5m^2 tại thửa số 348 tờ bản đồ số 53 do hộ cụ Nguyễn Thị T đứng tên. Năm 2001 nhà xuống cấp thì bà Hàng Thị L có sửa chữa lại căn nhà với số tiền là 90.000.000 đồng. Quá trình sử dụng căn nhà thì bà H cũng như các con của bà H và ông C không có đóng góp gì để nâng cấp, cải tạo và sửa chữa căn nhà đang tranh chấp trên.

Sau khi cụ B mất giữa cụ T và các con của cụ T có thỏa thuận phân chia căn nhà là tài sản chung của cụ B và cụ T như sau: Phần của cụ B nền nhà là 2,2m x dài khoảng 20m, còn của cụ T là nền nhà 2,2m x dài 20m, đối với căn nhà được cất trên phần đất là do bà L xây cất nên thuộc quyền sở hữu của bà L, khi thỏa thuận có tất cả những người con của cụ B và cụ T, mặt dù có mặt bà H, nhưng bà H không có ký tên vào biên bản thỏa thuận. Nay bà L và cụ T cùng với những nguyên đơn khác có yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất nêu trên. Các nguyên đơn có nguyện vọng để căn nhà này lại cho bà L quản lý và sử dụng và bà L sẽ giao trả giá trị nền nhà mà bà H được hưởng theo quy định pháp luật.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Hàng Thị H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hàng Đăng K, chị Nguyễn Hàng Ái Đ, anh Nguyễn Hàng Quốc M và anh Nguyễn Hàng Quốc L2 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về thời gian cụ B chết, về con chung và tài sản chung của cụ B và cụ T. Tuy nhiên, theo yêu cầu của bà Hàng Thị L cùng các đồng nguyên đơn có yêu cầu chia căn nhà Số 1, Đường 30/4, Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất mà cụ Hàng Văn B để lại theo quy định pháp luật thì bà H không đồng ý và theo bà H xác định: Trước khi cụ B mất thì vợ chồng bà H cùng với vợ chồng bà L, cụ B và cụ T cùng quản lý và sử dụng căn nhà. Tuy nhiên, vợ chồng bà L ban ngày thì đi làm, ban đêm mới về nhà ngủ, khi cụ B mất thì vợ chồng bà H cùng với vợ chồng bà L, cụ T tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà. Do căn nhà này là tài sản chung và cùng sử dụng chung giữa vợ chồng bà H, vợ chồng bà L và cụ T, nên khi nhà xuống cấp thì cùng chung đóng góp sửa chữa, nâng cấp, ai có điều kiện

nhiều thì đóng góp nhiều và trong quá trình sử dụng chung căn nhà này thì bà H và ông C có đóng góp nâng cấp, sửa chữa, tôn tạo nhưng đóng góp bao nhiêu thì bà không nhớ.

Nay, bà H và ông C có yêu cầu được giữ lại căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất, đồng ý trả giá trị cho những người được hưởng đối với những thành viên có tên trong hộ của cụ Nguyễn Thị T. Do căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất là nơi vợ chồng ông bà mua bán, sinh sống, gắn bó từ trước đến giờ, là tất cả cuộc sống mưu sinh của gia đình bà ngoài ra không có nơi ở nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện phản tố ngày 19 tháng 12 năm 2017 bà H, ông C không có yêu cầu Tòa án tiếp tục xem xét giải quyết mà yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Hàng Thị H và không có yêu cầu gì khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Duy L1 trình bày: C*ăn nhà từ xưa đến nay bà Hàng Thị L là người trực tiếp quản lý, sử dụng và người đứng ra sửa chữa khi căn nhà xuống cấp. Nếu Tòa án giải quyết cho anh được hưởng một phần trong tài sản này thì anh xin được giao lại cho bà Hàng Thị L và không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng N2 (Trần Thanh N2) trình bày: Anh khẳng định là không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong căn nhà và đất tranh chấp nêu trên vì anh đã xóa tên trong sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị T.

Từ nội dung trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 217, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 102, 209, 212, 219, 220 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 29 Điều 3 Điều 166 và Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Thị L về việc yêu cầu phân chia tài sản chung của hộ gia đình là căn nhà Số 1, Đường 30/4, Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất số AG289930 ngày 16/10/2006 diện tích là 91,5m^2 thuộc thửa số 348 tờ bản đồ số 53 do hộ cụ Nguyễn Thị T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có vị trí như sau:

- Hướng Đông: giáp đất ông Trần Văn CH dài 20,4m
- Hướng Tây: giáp đất bà Nguyễn Thu H dài 20,65m
- Hướng Nam: giáp Kênh xáng Bạc Liêu – Cà Mau dài 4,40m
- Hướng Bắc: giáp đường 30/4 dài 4,52m

Giao cho bà Hàng Thị L quyền tiếp tục sở hữu, sử dụng căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại Số 1, Đường 30/4, Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc bà L có nghĩa vụ giao trả cho bà Hàng Thị H số tiền trị giá quyền sử dụng đất là 91.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hàng Thị H về việc giao quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với căn nhà và đất ở tại Số 1, Đường 30/4, Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc bà H có nghĩa vụ di dời tài sản riêng ra của bà H và ông C ra khỏi căn nhà và đất trên để giao trả lại cho bà Hàng Thị L theo quy định. Bà Hàng Thị H và ông Nguyễn Chí C có quyền lưu cư trong căn nhà trên trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/5/2018).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Thị H và ông Nguyễn Chí C về việc có yêu cầu anh Trần Thanh T5 và bà Hàng Thị T2 bồi thường thiệt hại về tài sản là 48.948.000 đồng (bao gồm phương tiện kinh doanh; hàng hóa bị mất và hư hỏng) và bồi thường về danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại và tổn thất tinh thần là 13.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ và định giá tài sản, lãi suất chậm thi hành án, Luật Thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 5 năm 2018, bị đơn bà Hàng Thị H kháng cáo yêu cầu chia đất và nhà đang tranh chấp thành 03 phần bằng nhau, bà yêu cầu được nhận nhà và đất. Bà đồng ý trả giá trị lại cho bà Hàng Thị L và bà Nguyễn Thị T. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C; chị Nguyễn Hàng Ái Đ; anh Nguyễn Hàng Đăng K; anh Nguyễn Hàng Quốc L2 và anh Nguyễn Hàng Quốc M kháng cáo yêu cầu: Chia nhà và đất đang tranh chấp thành 10 phần bằng nhau cho các thành viên trong hộ và yêu cầu được nhận hiện vật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Hàng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C và người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Hàng Ái Đ; anh Nguyễn Hàng Đăng K; anh Nguyễn Hàng Quốc L2 và anh Nguyễn Hàng Quốc M là bà Hàng Thị H rút kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến: Việc Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà cho bà Hàng Thị L là ảnh hưởng đến đời sống của gia đình bà H, việc thờ cúng và chăm sóc mẹ là nghĩa vụ chung của những người con. Hiện tại, do gia đình bà H không còn chỗ ở nào khác và để đảm bảo cho gia đình bà H sinh sống ổn định nên cần thiết tiếp tục giao nhà và đất cho bà H; đồng thời bà H sẽ trả lại cho bà L 1/3 giá trị tài sản chung mà bà L được hưởng và tiền san lấp, sửa chữa nhà cho bà L. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa phúc thẩm trình bày ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự, Luật sự, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản tranh chấp ngày 08/6/2017 thì căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích là 91,5m^2 thuộc thửa số 348 tờ bản đồ số 53 tọa lạc Số 1, Đường 3/2, Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu có vị trí, số đo cụ thể như sau:

- Hướng Đông: giáp đất ông Trần Văn CH dài 20,4m;

- Hướng Tây: giáp đất bà Nguyễn Thu H dài 20,65m;

- Hướng Nam: giáp Kênh xáng Bạc Liêu – Cà Mau dài 4,40m;

- Hướng Bắc: giáp đường 30/4 dài 4,52m.

[3] Nguồn gốc nhà và đất tranh chấp được các bên đương sự thống nhất thừa nhận là của cụ Hàng Văn B và cụ Nguyễn Thị T. Cụ Hàng Văn B chết ngày 15/5/1992 âm lịch, không để lại di chúc và cụ B cũng chưa đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp. Đến ngày 16/10/2006, phần đất tranh chấp trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Thị T. Do đó, phần đất này được chuyển thành tài sản chung của các thành viên trong hộ gia đình của cụ Nguyễn Thị T theo quy định tại khoản 29 Điều 3 của luật Đất đai và Điều 212 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, việc bà Hàng Thị L có yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nêu trên là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bà Hàng Thị H yêu cầu chia căn nhà và diện tích đất tranh chấp thành 03 phần bằng nhau, Hội đồng xét xử xét thấy: Về diện tích đất đang tranh chấp là tài sản chung của hộ cụ Nguyễn Thị T và theo quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai quy định: "*Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp*

luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất". Nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 212 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Tài sản của các thành viên gia đình cùng sống chung gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan"*. Đối chiếu với quy định trên, mặc dù trong hộ cụ Nguyễn Thị T có nhiều thành viên trong hộ, nhưng bà Hàng Kim T1; bà Hàng Kim Thu; anh Võ Đình V; anh Võ Duy L1; anh Nguyễn Hoàng N2 (Trần Thanh N2); chị Nguyễn Hàng Ái Đ; anh Nguyễn Hàng Đăng K; anh Nguyễn Hàng Quốc L2; anh Nguyễn Hàng Quốc M và anh Trịnh Nhân A không có công sức đóng góp, công sức tạo lập. Hơn nữa, nguồn gốc căn nhà này có được do cụ Hàng Văn B và cụ Nguyễn Thị T tạo lập, nhưng sau khi được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất này thuộc quyền sở hữu chung của cụ T, bà L và bà H nên khi phân chia tài sản chung cụ T, bà L và bà H mỗi người được hưởng 1/3 trên tổng giá trị tài sản; cụ thể: cụ Nguyễn Thị T được hưởng 1/3 là 91.500.000 đồng; bà Hàng Thị H được hưởng 1/3 là 91.500.000 đồng và bà Hàng Thị L được hưởng là 91.500.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia tài sản chung làm 03 phần là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của bà Hàng Thị H.

[5] Đối với căn nhà tranh chấp: Khi cụ B mất, cụ B có để lại căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất cho cụ T và các con của cụ T là vợ chồng bà L, vợ chồng bà H quản lý, sử dụng. Đến năm 2001, khi căn nhà xuống cấp bà Hàng Thị L nâng cấp, cải tạo và sửa chữa căn nhà với số tiền là 90.000.000 đồng. Để chứng minh cho lời trình bày của mình bà Hàng Thị L đã cung cấp giấy xác nhận của ông Trương Văn T8 là người nhận làm nhà cho bà L vào thời điểm năm 2001. Theo bà H xác định quá trình nâng cấp, cải tạo và sửa chữa căn nhà bà H cũng có đóng góp nhưng không nhớ là bao nhiêu tiền và bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này của mình nên không có căn cứ chấp nhận việc bà H có đóng góp tiền để sửa chữa, nâng cấp căn nhà tranh chấp trên. Theo biên bản định giá tài sản ngày 08/6/2017 thì căn nhà tranh chấp có trị giá là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), nhưng bà L đã bỏ số tiền nâng cấp, sửa chữa là 90.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T5 là người đại diện theo ủy quyền của bà L cũng thừa nhận việc sửa chữa từ năm 2001 đến nay thì giá trị sử dụng không đảm bảo 90.000.000 đồng. Nhưng cả anh T5 và bà H đều không xác định được giá trị còn lại bao nhiêu; bà H thống nhất đối trừ 90.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà H nên giá trị căn nhà còn lại là 20.000.000 đồng. Bà H kháng cáo yêu cầu chia căn nhà tranh chấp thành 03 phần bằng nhau Hội đồng xét xử thấy rằng tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2016 bà L cũng xác định căn nhà là tài sản chung nên cũng đồng ý chia cho các thành viên trong hộ. Do đó, căn nhà đang tranh chấp thuộc sở hữu chung của bà L, bà H và cụ T. Vì vậy, cụ Nguyễn Thị T được hưởng 1/3 là 6.666.000 đồng; bà Hàng Thị H được hưởng 1/3 là 6.666.000 đồng và bà Hàng Thị L được

hưởng là 6.666.000 đồng. Do đó, việc bà H kháng cáo yêu cầu chia căn nhà thành 03 phần bằng nhau là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của bà H yêu cầu được nhận hiện vật đối với nhà và đất tranh chấp Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại, gia đình bà H không có chỗ ở nào khác và căn nhà tranh chấp là nơi ở duy nhất của gia đình bà H. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 11/5/2017 (bút lục số 624-630), đại diện nguyên đơn anh T5 xác định Cửa hàng trang trí nội thất Thanh T5 có địa chỉ tại ấp Cây Giang, xã L, huyện Đ là của bà Hàng Thị L làm chủ và bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 09/10/2018 ông Mã Nghĩa H5 là cán bộ Chi cụ thuế huyện Đ cũng xác định cửa hàng Thanh T5 do bà Hàng Thị L làm chủ với ngành nghề là kinh doanh trang trí nội thất, mức thuế khoán là 500.000 đồng/tháng, mã số thuế là 8393514522 và bà Hàng Thị L đóng thuế đầy đủ. Đồng thời căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định phần đất có cơ sở mặt bằng trang trí nội thất Thanh T5 bà Hàng Thị L đã được cấp giấy chứng nhậ quyền sử dụng đất. Như vậy, ngoài căn nhà và đất tranh chấp thì bà Hàng Thị L còn có đất và cơ sở kinh doanh ổn định.

[7] Cấp sơ thẩm cho rằng, căn nhà đang tranh chấp là nơi cụ Nguyễn Thị T sinh sống và cũng là nơi thờ cúng cụ Hàng Văn B nên không có căn cứ buộc cụ T giao lại căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất này cho bà H tiếp tục quản lý, sử dụng mà cần phải tiếp tục giao lại căn nhà này cho bà Hàng Thị L để bà L quản lý, sử dụng và chăm sóc cụ Nguyễn Thị T. Do bà L là người có công sức đóng góp để nâng cấp, cải tạo, sửa chữa căn nhà và được nhận 2/3 giá trị quyền sử dụng đất nên giao cho bà L sở hữu, sử dụng nhà và đất tranh chấp là chưa phù hợp. Vì cụ B và cụ T là cha mẹ của bà L và cũng là cha mẹ của bà H nên bà H và bà L đều có trách nhiệm ngang nhau để chăm sóc cho cụ T và thờ cúng cụ B. Hơn nữa, căn nhà đang tranh chấp là nơi ở duy nhất của gia đình bà H sinh sống nếu giao cho bà L căn nhà gắn liền với diện tích đất tranh chấp thì gia đình bà H không còn chỗ ở nào khác. Mặc dù bà L là người có công sức đóng góp, sửa chữa, nâng cấp căn nhà tranh chấp, nhưng ngoài căn nhà gắn liền với phần đất đang tranh chấp thì bà L còn có chỗ ở khác để cho gia đình bà L sinh sống. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H xác định chỉ yêu cầu được ở lại nhà và đất vì bà không có nơi ở khác và căn nhà này cũng sử dụng làm nơi thờ cúng cha, mẹ bà. Bà H thống nhất giao trả lại phần tiền bà L đã sửa chữa, nâng cấp nhà số tiền 90.000.000 đồng và 1/3 giá trị tài sản chung bà L đã được hưởng (nhà và đất: 91.500.000 đồng + 6.666.000 đồng) tổng cộng là 188.166.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo điều kiện để cho gia đình bà H có nơi ở và sinh sống ổn định cần tiếp tục cho bà H và cụ T được tiếp tục ở lại căn nhà Số 1, Đường 30/4, Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; đồng thời có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Nguyễn Thị T và hoàn trả cho bà L số tiền 188.166.000 đồng. Sau khi bà H trả 1/3 giá trị tài sản chung được phân chia và tiền sửa chữa nhà cho bà L thì bà H được công nhận quyền sử dụng phần tài sản sau khi đã trả giá trị cho vợ chồng bà L. Do cụ T được tiếp tục ở lại căn nhà và đất nêu trên nên 1/3 tài sản chung cụ T được hưởng, bà H không phải hoàn trả

lại mà 1/3 giá trị tài sản chung của cụ T vẫn tiếp tục do cụ T quản lý, sử dụng. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Hàng Thị H được nhận hiện vật và hoàn giá trị cho bà L. Bà Hàng Thị L và ông Trịnh Minh Q có trách nhiệm di dời tài sản thuộc sở hữu của bà L, ông Quang ra khỏi nhà, đất nêu trên để giao trả nhà cho bà H và cụ T; bà L và ông Quang được lưu cư 06 tháng kể từ ngày xét xử phúc thẩm (ngày 12/10/2018)

[8] Xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Chí C; chị Nguyễn Hàng Ái Đ; anh Nguyễn Hàng Đăng K; anh Nguyễn Hàng Quốc L2 và anh Nguyễn Hàng Quốc M: Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy việc rút kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[9] Từ những căn cứ trên, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hàng Thị H; không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm bà Hàng Thị H không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C; chị Nguyễn Hàng Ái Đ; anh Nguyễn Hàng Đăng K; anh Nguyễn Hàng Quốc L2 và anh Nguyễn Hàng Quốc M rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 293, 298, 303, 307 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Hàng Thị H, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Thị L đối với bà Hàng Thị H về việc yêu cầu phân chia tài sản chung của hộ gia đình là căn nhà Số 1, Đường 30/4, Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất số AG289930 ngày 16/10/2006 diện tích là 91,5m^2 thuộc thửa số 348 tờ bản đồ số 53 do hộ cụ Nguyễn Thị T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn CH dài 20,4m;
- Hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thu H dài 20,65m;

- Hướng Nam giáp Kênh xáng Bạc Liêu – Cà Mau dài 4,40m;

- Hướng Bắc giáp đường 30/4 dài 4,52m.

Giao cho bà Hàng Thị H và cụ Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục sở hữu, sử dụng căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại Số 1, Đường 30/4, Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

2. Buộc bà Hàng Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hàng Thị L tổng số tiền 188.166.000 đồng.

3. Bà Hàng Thị H được công nhận được sở hữu đối với 1/3 giá trị tài sản chung là nhà, đất và giá trị sửa chữa căn nhà (Phần bà H hoàn trả cho bà L).

4. Buộc bà Hàng Thị L và ông Trịnh Minh Q có nghĩa vụ di dời tài sản riêng của bà L và ông Quang ra khỏi nhà và đất trên để giao trả lại cho bà Hàng Thị H và cụ Nguyễn Thị T. Bà Hàng Thị L và ông Trịnh Minh Q được quyền lưu cư 06 tháng kể từ ngày 12/10/2018.

5. Cụ Nguyễn Thị T được phân chia 1/3 giá trị nhà và đất tại số 50, đường 30/4, phường Hộ Phòng, thị xã Gái Rai, tỉnh Bạc Liêu. Cụ T đang quản lý sử dụng được tiếp tục quản lý, sử dụng.

6. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C; chị Nguyễn Hàng Ái Đ; anh Nguyễn Hàng Đăng K; anh Nguyễn Hàng Quốc L2 và anh Nguyễn Hàng Quốc M.

7. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Thị H và ông Nguyễn Chí C về việc yêu cầu anh Trần Thanh T5 và bà Hàng Thị T2 bồi thường thiệt hại về tài sản là 48.948.000đồng (bao gồm phương tiện kinh doanh; hàng hóa bị mất và hư hỏng) và bồi thường về danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại và tổn thất tinh thần là 13.500.000 đồng.

8. Cụ Nguyễn Thị T và bà Hàng Thị H được quyền đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

9. Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản: Bà Hàng Thị L chịu 1.000.000 đồng, bà Hàng Thị H chịu 500.000 đồng. Anh Trần Thanh T5 (là người đại diện của bà Hàng Thị L) đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, thẩm định là 2.000.000 đồng theo phiếu thu ngày 05/5/2017 được nhận lại 500.000 đồng tại Tòa án nhân dân thị xã G và 500.000 đồng từ bà Hàng Thị H.

10. Về án phí:

10.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hàng Thị L chịu án phí 4.908.000 đồng. Bà L (do anh Trần Thanh T5 nộp thay) đã nộp tạm ứng án phí là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001280 ngày 15/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gái Rai được chuyển thu án phí. Bà L còn phải nộp tiếp tiền án phí là 4.708.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Bà Hàng Thị H phải chịu án phí là 9.075.000 đồng. Bà H (do ông Nguyễn Chí C nộp) đã nộp tạm ứng án phí là 1.200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0010746 ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí. Bà H còn phải nộp tiếp tiền án phí là 7.875.000 đồng tại

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

10.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Hàng Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà H (do ông Nguyễn Chí C nộp thay) đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012147 ngày 31/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Ông Nguyễn Chí C; chị Nguyễn Hàng Ái Đ; anh Nguyễn Hàng Đăng K; anh Nguyễn Hàng Quốc L2 và anh Nguyễn Hàng Quốc M mỗi người phải chịu là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Chí C, chị Nguyễn Hàng Ái Đ; anh Nguyễn Hàng Đăng K; anh Nguyễn Hàng Quốc L2 và anh Nguyễn Hàng Quốc M mỗi người đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo lai thu số 0012148; số 0012149; số 0012150; số 0012151 và số 0012152 cùng ngày 31/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

11. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

12. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND tx. Giá Rai (01 bản);
- CCTHADS tx. Giá Rai (01 bản);
- Các đương sự (26 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều